

## VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI H'MÔNG VÀ MÔI TRƯỜNG

PHẠM QUANG HOAN  
NGUYỄN NGỌC THANH

### MỞ ĐẦU

Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 1989, người H'mông có 558.053 người, là tộc người đông nhất ở vùng núi cao và xếp ở vị trí thứ tám về dân số trong các dân tộc ở nước ta (sau các dân tộc Kinh, Tày, Thái, Hoa, Khơme, Mường, Nùng). Địa bàn cư trú chủ yếu của họ gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Thanh Hoá, Hoà Bình, Lạng Sơn... Tuy cùng cư trú với một số dân tộc khác ở vùng núi cao, nhưng người H'mông thường sống tập trung thành từng bản rõ rệt. Dân tộc H'mông có các nhóm như: H'mông Trắng, H'mông Hoa, H'mông Đen, H'mông Xanh, H'mông Đỏ và nhóm Mèo Nước (Ná Miếu).

Đặc điểm tiêu biểu của điều kiện cảnh quan nơi người H'mông sinh sống là những vùng núi có độ cao trung bình từ 800m đến 1700m hoặc cao hơn, địa hình hiểm trở, đi lại rất khó khăn, thậm chí ở một số nơi còn vắng bóng đường giao thông đi xuống các bản. Do cư trú ở vùng xa xôi hẻo lánh, lại có quan hệ giao tiếp với bên ngoài không nhiều nên người H'mông còn giữ được nhiều yếu tố văn hoá truyền thống độc đáo và ít bị ảnh hưởng của các tộc người láng giềng.

Ở một số nơi, thế như Đông Văn, Mèo Vạc (tỉnh Hà Giang), Sa Pa, Bắc Hà (tỉnh Lào Cai), Mộc Châu (tỉnh Sơn La)... người H'mông đã định cư từ lâu đời và đã tạo dựng được thể ứng xử hợp lý thông qua việc thiết lập một hệ thống nông nghiệp phù hợp với khí hậu khắc nghiệt của vùng cao. Trái lại, cho đến nay, vẫn còn một bộ phận đáng kể người H'mông, đặc biệt là ở vùng Tây Bắc và miền tây Nghệ An, Thanh Hoá vẫn sống chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy. Đặc điểm kiểu canh tác này là khai thác đến cạn kiệt một khoảnh rừng cho đến khi đất bạc màu rồi bỏ đi phá rừng làm rẫy ở nơi khác. Kết quả là rừng bị tàn phá nghiêm trọng, đất bị thoái hoá, sỏi mòn, lũ lụt xảy ra gây những hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất, môi trường, và đời sống con người ở cả miền núi và đồng bằng. Tất nhiên, việc phá rừng không chỉ vì mục đích canh tác nương rẫy và không chỉ có người H'mông mà còn có cả một số tộc người khác đang sinh sống ở miền núi miền Bắc, thậm chí cả một số đơn vị sản xuất khai thác gỗ và giới thương gia.

Với kiểu canh tác nương rẫy như vừa kể trên, người H'mông ở một số nơi thường di chuyển cư xa, bám theo rừng để tìm đối tượng sản xuất. Hướng di cư của người H'mông thường đi theo đường từ Đông sang Tây và di chuyển theo dòng họ, do đó rất khó kiểm soát. Trong khi đó nhiệm vụ vận động định canh định cư khá nặng nề, nó đang là vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách của người H'mông, và một số tộc người sống dựa vào phương thức đốt rừng làm rẫy.

Trước đây người H'mông được xem là dân tộc trồng nhiều thuốc phiện nhất ở Việt Nam. Thuốc phiện được trồng trên các khoảnh nương có chất đất tốt nhất.

Thuốc phiện là loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, chỉ có điều đây lại là cây chủ của chất ma túy mà cả thế giới đang ngăn cấm trồng trọt, lưu thông và tiêu dùng. Thay vì cây thuốc phiện vốn rất phổ biến trước đây, hiện nay người Hmông đã chuyển đổi hệ thống cây trồng, chủ yếu trồng cây lương thực, cây ăn quả, dược liệu, dong riềng,... nhằm đảm bảo thu nhập cho gia đình và bán ra thị trường. Tuy nhiên đây vẫn còn là một bài toán khó cần được tìm tòi, nghiên cứu tiếp để giúp người Hmông tạo dựng được một hệ canh tác bền vững ở vùng cao.

Hiện nay, tỷ lệ sinh đẻ con, tuổi sinh đẻ sớm và đẻ kéo dài, số con nhiều là nét đặc thù về mức sinh đẻ của người Hmông. Mức sinh đẻ trung bình của người Hmông hiện nay hơn 4%. Có lẽ, người Hmông có mức sinh đẻ vào loại cao trong số các dân tộc ở Việt Nam. Theo ý kiến của một số nhà dân số học, mức sinh đẻ của người Hmông là 7,9 - 8,3 con. Trung bình một gia đình nhỏ của người Hmông ở bản Tà Phên xã Tân Lập có khoảng 7 - 8 người. Qui mô gia đình tương tự, theo quan sát của chúng tôi, cũng thấy có ở người Hmông bản Pá Đông, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, ở người Hmông bản Huội Lê xã Huội Tu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Điều đó cho thấy ngay từ bây giờ phải tìm ra những biện pháp hữu hiệu và có tính khả thi để giúp người Hmông từng bước thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Rõ ràng, dân số tăng nhanh đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên ở vùng người Hmông. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tình trạng dân trí ở nhiều vùng Hmông là tương đối thấp nhất là phụ nữ không biết tiếng phổ thông, nói được tiếng phổ thông chiếm tỷ lệ cao (80% - 90%).

Một số "vấn đề" đang đặt ra đối với người Hmông không thể giải quyết xong xuôi một sớm một chiều. Nó đòi hỏi phải xem xét từ nhiều bình diện và kết hợp bằng nhiều biện pháp, trong đó cần nghiên cứu kỹ lưỡng các đặc điểm văn hoá tộc người và vai trò của chúng đối với việc quản lý cộng đồng và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

## I. CÁC HÌNH THỨC CANH TÁC TRÊN ĐẤT ĐỐC

### 1. Canh tác nương rẫy trên sườn núi đất

Người Hmông thuộc bất cứ nhóm nào đều gọi nương rẫy bằng một từ chung là *tế*. Căn cứ vào cây trồng trên nương mà người Hmông có những tên gọi sao cho thích hợp, ví như : *tế blê* (nương lúa); *tế pó cừ* (nương ngô); *tế măng* (nương lanh) v.v. Nhưng phổ biến hơn cả là gọi nương theo địa thế nơi canh tác *tế tì* (nương bằng) và *tế xá* (nương dốc). Muốn có mảnh nương tốt hợp với ý thích thì chọn đất, chọn rừng là công việc quan trọng nhất. Theo kinh nghiệm của người Hmông ở những nơi rừng già nếu phát đốt để làm nương trồng lúa và hoa màu sẽ cho năng suất cao vì đất ở đó có độ ẩm, tơi xốp và màu mỡ. Người Hmông ở Kỳ Sơn - Nghệ An còn chọn đất bằng cách đào thử xuống chỗ định chọn nếu thấy mềm và ẩm ướt là đất tốt, họ cũng có hình thức ném đất giống như ở người Dao, tức là lấy một ít đất ném thấy hơi mặn là đất tốt, có vị chua là đất xấu không trồng trọt được. Tuy thuộc vào từng loại cây trồng mà họ có cách chọn khác nhau, chẳng hạn: đất để gieo trồng lúa là những nơi rừng gỗ hay rừng tre, nứa, màu đất đỏ, vàng, độ ẩm nhiều, đất thường kết lại thành những hạt nhỏ, chỗ nào mọc nhiều cây chuối rừng, trồng ngô sẽ cho năng suất cao. Người Hmông Hoa ở Thượng Tân - Vị Xuyên, Hà Giang có tập quán chọn và phân loại từng chất đất, có mấy loại chính như sau :

- *Ang đux* (đất đen) là đất tốt nhất, độ tơi và xốp cao, thường ở nơi rừng già, canh tác lúa nương sẽ cho thu hoạch cao.

- *Ang caox* (đất mùn) có độ phì lớn, thích hợp với nhiều loại cây trồng.

- *Ang đangx* (đất vàng) màu đỏ vàng, đất xấu, không có mùn, mật độ tơi xốp thấp, không canh tác được trên loại đất này.

- *Ang latxi* (đất cát) đất pha cát ở ven sông suối, loại đất này trồng trọt cho năng suất rất thấp.

Nhóm Hmông Trắng ở các huyện Đông Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ tỉnh Hà Giang phân loại đất theo từng loại nương, và cho rằng:

- *Tế dùng* là nương ở đó đất hơi cứng có màu, thích hợp với một số loại cây trồng như ngô, sắn.

- *Tế đu*: nương có nhiều mùn, độ màu cao, thường ở chỗ bằng phẳng.

- *Tế thâu*: nương có đất màu tro, trồng cây năng suất thấp.

- *Tế đũa*: nương đã hết màu, không thể trồng trọt trên đất đó.

Người Hmông ở đây thường nói : “*tế đũa* trồng cây gì cũng không tốt”; “*tế đu* trồng cây gì cũng nên”.

Không còn nghi ngờ gì, việc phân loại đất thích hợp với từng loại cây trồng cho thấy trình độ hiểu biết về đất đai của người Hmông là khá cao.

Sau khi chọn được nơi làm nương vừa ý, họ khoanh vùng chỗ đó lại rồi làm *mùa pu* (đánh dấu) theo cách gọi của nhóm Hmông Trắng ở Kỳ Sơn - Nghệ An, hoặc *uôm phua* - cách gọi của các nhóm Hmông ở Lào Cai, Hà Giang, trên mảnh đất nương vừa chọn đó họ phát khoảng 2m<sup>2</sup>, chặt một cây nhỏ làm cọc dài 1m đến 1,50m, chẻ đầu để cài một mảnh gỗ, hoặc buộc thanh tre hình chữ nhật. Nếu ở chỗ đó có cây to, người ta chặt vát vào thân cây, giắt mảnh gỗ, que tre hướng về phía sẽ phát nương, cách đánh dấu này còn áp dụng khi ai đó phát hiện thấy có tổ ong rừng, cây gỗ tốt. Khi đã nhìn thấy dấu *mùa pu* hoặc *uôm phua*, tuyệt đối không ai được xâm phạm.

Người Hmông Đu ở xã Pà Cò (Hoà Bình) cho chúng tôi biết : nếu ai đó vi phạm qui ước của cộng đồng sẽ được bản xử lý theo 2 cách sau :

Nếu 2 bên thoả thuận được thì người vi phạm đi tìm mảnh đất khác cho người bị mất, hoặc người đánh dấu trước trả công phát dọn cho người vi phạm. Thường người ta tính ngày công phát dọn và trả một ít lương thực (ngô, lúa) tương đương với số nhân khẩu của gia đình người vi phạm. Trường hợp 2 bên không thoả thuận được với nhau thì người vi phạm sẽ bị mất toàn bộ công sức đã bỏ ra phát mảnh nương đó.

Tuỳ theo từng giống cây trồng mà người Hmông chọn thời điểm phát đốt, dọn nương cho thích hợp, nương trồng ngô thường phát vào tháng 2 - 3; nương trồng lúa thường phát vào tháng 4 - 5 v.v. Công cụ để phát nương gồm có dao, rìu, búa.

Khi phát nương, tuỳ theo từng loại rừng mà đồng bào phát cho phù hợp. Ở những nơi còn rừng già được chia thành hai giai đoạn : giai đoạn thứ nhất phát cỏ,

chặt giây leo và cây nhỏ; giai đoạn thứ hai ngã cây to, đốn cành. Nếu cây quá to, người ta chỉ cần bóc đi một vài khoanh vỏ xung quanh thân cây để cho cây chết mục dần, cách làm này cũng thấy ở người Khơ mú. Đối với rừng tre, nứa thì chỉ cần phát một lần. Người Hmông cũng phát nương theo hình thức từ thấp lên cao, đồng thời có sự phân công lao động theo giới và tuổi: nam giới dùng búa hạ cây to, còn phụ nữ, trẻ em chặt cành và những cây nhỏ. Để làm kịp thời vụ, theo tập quán, người Hmông còn duy trì hình thức *pa ua* (đổi công), theo đó những anh em họ hàng thân thuộc tới giúp đỡ và chủ nhà không phải trả công. Sau khi phát nương xong, gia đình để nguyên cây cối tại chỗ, phơi khô thời gian dài hay ngắn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết ở từng nơi: ở Kỳ Sơn (Nghệ An) thường một tháng sau đồng bào mới tiến hành đốt, nhưng tại nhiều vùng Tây Bắc, chỉ sau hai tuần nương đã được đốt. Theo tập quán, người ta đốt nương ngược chiều gió và thường đốt từ chân đồi, núi cho lửa cháy lan, để tránh cháy rừng. Trước khi đốt các gia đình còn phát các khoảng trống xung quanh nương làm đường cản lửa. Sau khi đốt xong, nếu thấy những cành cây, khúc gỗ nào chưa cháy hết thì gom lại thành từng đống rồi đốt cho cháy hết, chờ vài ngày cho đất nguội, lúc đó công việc tra hạt mới bắt đầu. Đối với nương cũ chỉ cần dọn và đốt cỏ, rồi cày cuốc để ải qua đông. Vì vậy với nương cũ người Hmông thường phải làm sớm hơn là nương mới.

Mỗi loại giống cây, người Hmông có cách gieo trồng và công cụ riêng. Với giống lúa ở những nơi có độ dốc cao như Kỳ Sơn - Nghệ An, người Hmông dùng gậy chọc lỗ và vãi hạt. Gậy chọc lỗ có hai loại: gậy chọc lỗ dài 2m đường kính 3-4 cm đầu vót nhọn và gậy chọc lỗ có tra cán gồm hai bộ phận hợp thành: cán bằng gỗ dài, 1,8m và lưỡi nhọn bằng sắt với nhiều kiểu khác nhau.

Xưa kia khi tra hạt thường có hai người, một người chọc lỗ đi trước và một người chuyên tra hạt theo sau; ngày nay lối làm đó không còn nữa mà phổ biến người chọc lỗ tự tra hạt giống luôn. Tra hạt cũng theo một quy tắc nhất định, mỗi lượt đi thường chọc một hàng ngang 8 - 10 lỗ từ chân nương lên đến đỉnh nương, rồi đi giạt lùi từ đỉnh xuống chân nương, cứ lần lượt như vậy cho đến khi hết mảnh nương mới nghỉ tay.

Gieo vãi là cách làm mới xuất hiện vào những năm 1970, sau khi dọn nương xong, gia đình mang thóc giống vãi đều khắp rồi dùng cuốc bướm xới nhẹ để cho đất tơi ra phủ lên những hạt thóc giống. Phương pháp này thường được sử dụng ở những mảnh nương tương đối bằng phẳng, ít rễ cây, ít đá. Cuốc xới đất như vậy có ưu điểm là làm cho đất tơi ra, lớp tro được trộn sâu xuống đất, hạt thóc được lấp kín, nên chim chuột ít nhặt ăn, thóc chóng nảy mầm, mọc đều; xong cách làm này khiến cho đất dễ bạc màu vì cuốc đất tơi lên khi trời đổ mưa, nước sẽ cuốn trôi lớp đất màu.

Đối với gieo trồng ngô, người Hmông dùng cuốc bướm lưỡi dạng hình bán nguyệt rộng 20 cm, cao 12 cm, chuôi để tra cán dài 12 cm, cán gỗ dài 1m. Họ bở thành từng hốc, sâu khoảng 3 cm và cách đều nhau từ 50 - 60 cm, cuốc hốc nào xong thì tra từ 3 - 4 hạt ngô, rồi lấy lưỡi cuốc gạt đất cho kín.

Ở Lào Cai, Sơn La, Yên Bái, người Hmông thường sử dụng cày để làm đất nương. Chiếc cày (*lây tế*) của người Hmông khá độc đáo, trông thô nhưng chắc chắn.

Thân cây ngắn, kể cả phần đế dài hơn 70 cm. Thân ngắn tạo được điều kiện di chuyển dễ dàng ở địa hình phức tạp và giúp người cày nhanh chóng nhấc cây lên khi có dấu hiệu lưỡi cày vấp phải đá hoặc rễ cây.

Bắp cày là bộ phận chịu lực lớn nhất được cấu tạo cong, thô và rất chắc, vì thế nó thường được làm bằng những loại gỗ tốt, bắp cày được đóng cố định với thân cây làm thành một khối.

Lưỡi cày do chính người Hmông làm lấy nom to, dày, mũi hơi tù, nặng khoảng 4 kg, có khả năng cắt được rễ cây, vấp vào đá cũng không bị mẻ hoặc vỡ.

Sau khi cày, cuốc nương xong, người ta để cho đất ải, khoảng tháng 4 - 5 - 6 các gia đình tiến hành gieo trồng, chủ yếu gieo vãi bằng tay, không thấy dùng gậy chọc lỗ để gieo hạt như người Hmông ở Kỳ Sơn - Nghệ An.

Việc chăm sóc và bảo vệ cây trồng cũng là một khâu quan trọng trong chu trình sản xuất. Người Hmông ở Lào Cai và Hà Giang, khi trồng ngô đã biết dùng phân chuồng và phân hoá học, còn hầu hết người Hmông ở các nơi khác chưa có tập quán bón phân cho các loại cây trồng trên nương. Việc chăm sóc tập trung vào trừ cỏ dại, nếu là nương mới phát ở nơi rừng già thì chỉ làm cỏ từ một đến hai lần; nếu là nương cũ thường làm cỏ bốn lần. Phần lớn người Hmông làm cỏ bằng tay, đôi khi cũng dùng dao, liềm hỗ trợ. Cách thức làm cỏ cũng tùy vào từng giống cây trồng, chẳng hạn với cây lúa sau một tháng làm cỏ đợt một, bằng cách nhặt cỏ dại, vất bỏ những chồi cây mọc cao; lần làm cỏ đợt hai vào lúc cây lúa sắp đổ đòng, lúc này công cụ làm cỏ là cuốc bướm và nạo, cỏ được rũ sạch áp vào gốc cây lúa. Làm cỏ ngô cũng giống như làm cỏ lúa.

Để bảo vệ cây trồng, người Hmông có tập quán làm bù nhìn, cắm cờ giấy, làm mõ tự động lợi dụng sức gió phát ra tiếng kêu để đuổi thú và chim chóc, ngoài ra còn làm lều coi nương để người đến trông nom ở đó; nếu nương quá xa nhà thì vào dịp gieo trồng và thu hoạch, cả gia đình đến tạm thời sinh sống ở đó.

Đến mùa thu hoạch, từng gia đình chuẩn bị nông cụ đầy đủ, họ rèn rũa lại liềm, sửa hái, đan gùi để vận chuyển. ở Kỳ Sơn - Nghệ An, người Hmông còn làm giàn phơi, làm chòi để cất giữ sản phẩm. Giàn phơi lúa làm ngay ở trên nương có những tấm ván gỗ, hoặc các cây nứa hoặc tre ghép lại, cột giàn cao 1m, bên trên sàn phơi lợp mái tranh. Chòi cất giữ thóc, ngô làm thành hình vuông, cấu tạo kiểu như nhà sàn, xung quanh chòi rào kín. Chòi dựng ở nơi cao ráo.

Khi thu hoạch lúa nương, người Hmông thường dùng cái nhíp để cắt từng bông lúa, cứ cắt được ba nắm tay thì bó lại thành một cụm. Tại Kỳ Sơn (Nghệ An), những cụm thóc được đặt vào gùi chuyển đến giàn phơi, người ta đặt hai cụm lúa cho quay bông vào nhau lúc trời có nắng, ánh nắng dội vào làm cho hạt thóc khô đều, còn ở Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, người Hmông thô thóc về nhà trữ trên gác bếp, khi cần dùng mới đem đi đập.

Đối với cây ngô, đến mùa thu hoạch đồng bào dùng tay bẻ bắp ngô, họ không phơi mà chuyển ngay vào chòi hoặc đưa về nhà treo trên gác bếp.

Ngoài cây ngô và cây lúa là cây lương thực được trồng chủ yếu trên nương, người Hmông còn gieo tam giác mạch, ý dĩ v.v. ở những mảnh nương đã cần cỗi loại cây này giúp cho nhiều gia đình vượt qua khỏi thời kỳ đói, lúc giáp hạt.

## 2. Thổ canh hốc đá

Đây là hình thức trồng trọt trong các hốc đá thấy phổ biến ở một số tộc người sống trên vùng núi cao như dân tộc Lô Lô, Pa Thên, Dao và Hmông.

Ở người Hmông, nơi điển hình về canh tác nương thổ canh hốc đá phải kể đến các nhóm Hmông ở Hà Giang.

Có thể nói nương hốc đá là một sáng tạo của các cư dân sống ở vùng cao, trong đó có người Hmông. Khác với nương ở vùng núi đất, nương thổ canh hốc đá là loại nương ở đó có nhiều loại hốc đá to nhỏ khác nhau. Theo cách phân loại của người Hmông ở Hà Giang, nương thổ canh có hai loại :

Loại thứ nhất gọi là *xùa tế*, nơi đó gồm nhiều hốc đá nhỏ nằm kề nhau, canh tác trên mảnh nương này khá vất vả, chủ yếu dùng tay và cuốc và năng suất không cao.

Loại thứ hai gọi là *dầu tế*, gồm những hốc đá mà ở đó có những khoảng đất rộng từ 3 - 4m, canh tác chủ yếu dùng cày và cuốc.

Việc khai phá để trồng trọt trên những hốc đá cũng giống như khai phá các loại nương khác, bao gồm các công đoạn như : chọn đất, chặt cây, phát cỏ và đốt. Theo kinh nghiệm của người Hmông, những nơi mọc nhiều cây cơm xôi là đất tốt, còn chỗ nào mọc nhiều cây sim là đất xấu, cần cỗi. Để giữ đất không bị xói mòn khi mưa lũ, theo tập quán, đồng bào nhặt đá, hòn cuội xếp vào khe giữa các mô đá, ngăn thành gờ nhỏ. Cây trồng trên nương chủ yếu là ngô, sau nữa đến các loại kê, mạch ba góc, sắn, khoai lang v.v.

Trên nương, đặc biệt là nương thổ canh hốc đá, kỹ thuật trồng xen canh gối vụ đã trở thành nếp canh tác quen thuộc của người Hmông. Trên đám nương ngô, đậu và các loại rau cứ gối đầu kế tiếp nhau. Chẳng hạn trên nương ngô cứ mỗi hốc ngô họ trồng xen 2 - 3 khóm đậu, họ còn trộn lẫn hạt rau như bí, dưa chuột, rau dền, đậu đũa với phân, bón phân cho ngô, đậu cũng là tra các loại rau xen canh. Kỹ thuật trồng xen canh gối vụ đã trở thành nếp canh tác quen thuộc ở người Hmông. Nương thổ canh hốc đá ít khi bị bỏ hoá, loại nương này người Hmông chuyển thành nương định canh lâu dài.

## II. VĂN HOÁ XÃ HỘI

### 1. Dòng họ "xênhu"

Trong xã hội cổ truyền cũng như hiện nay, ở người Hmông tồn tại khá rõ nét một loại hình tổ chức xã hội dựa trên quan hệ huyết thống, đó là dòng họ "xênhu". Người cùng "xênhu" có thể phân tích thành hai phạm trù cố kết :

**Cố kết rộng** : - bao gồm tất cả những người cùng họ không phân biệt người đó cư trú ở đâu. Bởi thế khi mới gặp nhau, người Hmông có tục nhận họ để biết người bạn của mình cùng dòng máu hay khác dòng máu. Người cùng dòng máu (cùng ma) có tục kiêng cử riêng, trong đó chỉ có những người thuộc dòng họ của mình mới biết. Người nào tiết lộ những kiêng kỵ đó thì sẽ bị dòng họ xử lý bằng những hình phạt nặng nề và xỉ nhục như khai trừ ra khỏi dòng họ, tịch thu đất đai canh tác,... Như vậy, người cùng họ được hợp pháp như những người anh em ruột thịt. Bởi vậy người cùng họ không được phép kết hôn với nhau, ai vi phạm bị xử phạt nặng nề.

Như vậy, sự cố kết rộng không tính theo các tiêu chí phả hệ mà chỉ cần có họ và những điều kiêng kỵ.

**Cố kết hẹp:** Trong một bản người Hmông, thường có vài dòng họ. Mỗi dòng họ được xem như một đơn vị cố kết cộng đồng huyết thống theo hệ cha. Các thành viên trong cộng đồng gắn bó chặt chẽ với nhau bởi cùng phả hệ dòng nam do một ông tổ sinh ra. Ông tổ là người đã chết mà người già ở thế hệ cao nhất trong phả hệ còn nhớ. Thông thường nếu tính từ thế hệ con lên đến ông tổ là 3 đời hoặc cũng có thể 4 đời : Egô - cha - ông - cụ. Người cụ mà ở thế hệ ông còn sống vẫn nhớ tên chính là ông tổ dòng họ.

Ở người Hmông, khi muốn nhận anh em cùng tổ tiên, người ta hỏi nhau kỹ lưỡng về các điều kiêng kỵ, cách thức cúng ma (ma nhà, ma cửa, ma cột cái, ma buồng, ma bếp,...), đặc biệt là các nghi thức làm ma cho người chết. Mỗi thành viên phải biết và thực hiện đầy đủ những kiêng kỵ và các nghi lễ đó, trường họ có trách nhiệm truyền thụ cho mỗi người trong dòng họ mình. Các điều kiêng kỵ này thường là kiêng ăn một số con vật hoặc bộ phận của con vật như họ Hồ ở Kỳ Sơn kiêng ăn thịt khỉ, họ Giàng kiêng ăn tim, họ Lý kiêng ăn lá lách, họ Thào kiêng ăn dưa chuột, họ Sùng kiêng ăn bầu, bí,... Ngoài ra còn có những điều kiêng kỵ khác trong sinh hoạt và sản xuất như họ Và ở Kỳ Sơn khi lên rẫy kiêng mang rau, họ Lầu không cho con dâu quét bếp. Điều đáng chú ý nữa là mỗi dòng họ còn có những nghi lễ cúng bái làm ma khác nhau về số lượng bát cúng, cách bày bát, chia thịt, địa điểm cúng và chỗ ăn. Chẳng hạn, trong lễ cúng ma bò đến ơn bố mẹ của người Hmông ở Kỳ Sơn, dòng họ Và bày 33 bát, chia thịt từ trái sang phải. Họ Sùng cũng chia thịt từ trái sang phải nhưng chỉ bày 13 bát. Họ Giàng bày 33 bát theo vòng tròn; dòng họ Mã bày 19 bát nhưng lại chia theo đường thẳng. Họ Mùa ở xã Pà Cò (huyện Mai Châu - Hoà Bình) bày 23 phần. Khi được hỏi tại sao lúc cúng tất cả các dòng họ đều bày theo số lẻ (7, 9, 13, 23, 33,...), người Hmông trả lời rằng "số lẻ" là của ma. Trong khi đó các món ăn bày trong đám cưới luôn là số chẵn. Trong đám ma có sự phân biệt rất rõ về cách đặt người chết trong nhà, về liệm người chết vào áo quan tại nhà hay đưa ra nghĩa địa mới liệm, về cách đặt hướng mộ (có họ chôn song song với thế núi, đầu quay về phía mặt trời mọc và không kê đá; có họ chôn theo hướng mặt trời mọc, đầu quay vào núi và xung quanh có kê đá, có họ rào tre xung quanh mộ). Người Hmông còn có những dấu hiệu khác để nhận họ, thể như khi các thành viên trong họ vì lý do nào đó phải xa nhau người ta thường trao cho nhau những vật làm tin để sau này nhận họ : có họ cất hòn đá mài mỗi người giữ một nửa, có họ giữ cái trống, thanh kiếm.

Trước đây mỗi dòng họ người Hmông thường cư trú trong một phạm vi đất đai nhất định, do trưởng họ và chủ các gia đình có công khai phá. Hiện tượng một làng chỉ có một dòng họ hiện nay vẫn thấy được ở một số vùng. Tuy nhiên, cư trú xen kẽ giữa các dòng họ trong một bản vẫn là phổ biến nhưng các gia đình cùng một dòng họ hay chi họ thường ở thành những cụm (những chòm) gần nhau.

Trong xã hội truyền thống của người Hmông, sự thống nhất về mặt kinh tế của dòng họ biểu hiện cụ thể ở quyền sở hữu chung về ruộng đất, rừng cây. Ở vùng có ruộng nước, ruộng đất trên danh nghĩa là thuộc về dòng họ tuy nhiên việc khai phá, trồng trọt vẫn do từng gia đình thực hiện. Đối với ruộng được chia, các gia đình chỉ có quyền sử dụng. Khi một gia đình nào đó di chuyển nơi cư trú đến nơi khác hoặc không còn người thừa kế, ruộng đất lại thuộc sở hữu của dòng họ. Ông

tộc trưởng sẽ quyết định phân phối cho những gia đình thiếu đất. Trường hợp vì đời sống khó khăn, gia đình có thể đem cầm ruộng đất nhưng trước tiên phải dành cho người trong dòng họ, ưu tiên cho anh em họ hàng gần nhất. Nếu dòng họ không có ai nhận cầm mới được bán cho người ngoài. Khi cần thiết, chủ đất hoặc bất cứ người nào trong dòng họ cũng có quyền chuộc lại ruộng. Luật tục ở đây cũng qui định : khi một họ di chuyển đi nơi khác mà khi có người chết vẫn mang về đất cũ chôn thì đất ở cũng như ruộng đất ở đó vẫn thuộc quyền dòng họ đó. Trường hợp di chuyển đến nơi mới : nếu có người chết mà gia đình và dòng họ đó chôn tại đất mới thì coi như bỏ nơi cũ. Đất đó thuộc chung của mọi người, ai đến ở và làm rẫy thì không phải hỏi chủ cũ. Chế độ ruộng đất truyền thống của người Hmông qui định rất cụ thể : người trong dòng họ sống ở đâu, tổ chức dòng họ quản lý ruộng đất của mình ở đó. Bởi vậy, ở tộc người này, không có khái niệm đất bản gắn với dân bản. Việc thành viên bản khác đến thừa kế đất đai của anh em trong dòng họ mình hay khai phá thêm ruộng nương ở làng mình, vùng mình là lẽ đương nhiên hợp lệ. Nếu ở làng Việt cổ truyền ngoài ruộng đất công, ruộng thờ cúng, v.v... quyền sở hữu ruộng đất cá thể được khẳng định, nhưng đồng thời, cũng chịu sự chi phối trực tiếp của tổ chức làng xã. Đất ở làng nào do làng đó quản lý, tuy một số nơi đã có hiện tượng xâm canh. Ruộng đất cá thể thường vẫn là một bộ phận tài sản của làng xã và quyền sở hữu tối cao về đất đai thuộc chính quyền nhà nước.

Rừng núi, khe suối trước đây cũng thuộc quyền quản lý của từng dòng họ. Mỗi thành viên đều được tự do phát rẫy làm nương, khai thác lâm thổ sản. Người ngoài dòng họ tuy có thể đến kiếm củi, hái nấm nhưng muốn làm nương phải được sự đồng ý của dòng họ quản lý.

Trước đây ở Kỳ Sơn, dòng họ còn tổ chức phát rẫy chung. Đến mùa, trưởng họ cùng một số người có kinh nghiệm đi chọn đất. Được ngày tốt, cả dòng họ tiến hành phát rẫy. Số rẫy phát được đem chia cho từng gia đình. Nguyên tắc phân chia không dựa theo số lao động tham gia phát mà căn cứ vào số nhân khẩu của từng gia đình. Ranh giới mảnh rẫy của các hộ được đánh dấu bằng những cành cây không đốt. Hiện nay do đất đai hiếm hoi, thành viên các dòng họ ngày càng đông nên chỉ có các nhóm gia đình gồm anh em ruột thịt hoặc cha con mới phát rẫy chung.

Mỗi dòng họ Hmông đều có người đứng đầu, được biểu thị bằng các từ như : “*hò pâu*” (cái gốc), “*uô thâu*” (cái đầu) hay “*chủ sủng*” (chủ họ). Đó là người am hiểu các qui định, các bài cúng của dòng họ mình, thường biết làm nghề thầy cúng, hiểu biết phong tục tập quán dân tộc, có tài ứng xử, lý lẽ giỏi. Không phải ngẫu nhiên mà ở nhiều nơi người trưởng họ được gọi là “*tráng kê*” (thầy cãi lý) cho dòng họ. Thêm vào đó, trưởng họ phải là người biết tổ chức và có kinh nghiệm trong lao động, có phẩm chất trung thực, công tâm, biết quan tâm chăm sóc đến đời sống người trong họ và gây được lòng tin đối với các thành viên trong dòng họ mình đồng thời được người dòng họ khác kính trọng. Nhờ có uy tín và sự hiểu biết nên ý kiến của trưởng họ mọi người trong dòng họ noi theo và nhiều khi tiếng nói của trưởng họ có trọng lượng hơn cả chức dịch. Trưởng họ bao giờ cũng được ngồi đầu bàn quay lưng vào bàn thờ và quay mặt ra cửa chính trong các lễ tết, cúng. Trưởng họ được xem chân gà đầu tiên, song lại là người được phán cuối cùng.

Trưởng họ có nhiệm vụ duy trì sinh hoạt trong dòng họ như đảm đương việc thờ cúng tổ tiên chung; khi cưới vợ cho con trai, khi gả chồng cho con gái, khi sinh thêm

con trai, trưởng họ phải cúng báo cho tổ tiên biết. Khi trong họ có người chết, trưởng họ phải triệu tập các chủ gia đình trong họ để bàn bạc lo liệu việc tang ma. Tham gia giải quyết các việc liên quan đến cưới xin, kế thừa tài sản, làm nhà mới,... của các hộ trong dòng họ. Đứng ra vận động các thành viên đoàn kết giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, thiếu thốn. Thay mặt dòng họ giải quyết những sự bất hoà giữa các gia đình trong dòng họ và giữa dòng họ với các dòng họ khác. Dẫn xếp tranh chấp trong dòng họ về đất đai, tài sản, xử lý các vụ vi phạm về qui ước của dòng họ. Chịu trách nhiệm trước dòng họ truyền lại những tục lệ của dòng họ và những kinh nghiệm sản xuất cho những người trong họ. Tổ chức lễ đuổi tà ma, cầu yên cầu phúc cho mọi thành viên. Quyết định việc di chuyển địa điểm cư trú hay ở lại. Trường hợp có người nào đó trong dòng họ phạm lỗi, cả họ sẽ họp lại dưới sự chủ tọa của trưởng họ để bàn bạc, phân xét và định ra hình thức xử lý thích hợp.

## 2. Thiết chế bản "jiao"

Trong xã hội cổ truyền của người Hmông, "Jiao" là đơn vị tổ chức xã hội cơ sở. Mỗi "Jiao" đều có tên gọi riêng và ít khi thay đổi. Tên "Jiao" được gọi theo tên người hoặc tên dòng họ có công lập bản như Tà Giàng Phình, Lý Lao Chải, Hạng Tả Chải,... Tên gọi của "Jiao" cũng gọi theo những đặc điểm địa lý tự nhiên nơi cư trú như "xinh phình" (bãi bàng), "cán ty" (chỗ đất khô), "cù đề sáng" (rừng cây cọ), "tà đề" (bãi đá), "pa khen" (loại cây lau)... Cũng thấy có những tên "Jiao" gọi theo từ vựng của dân tộc khác, thể như xã Mường Lống huyện Kỳ Sơn tỉnh Nghệ An có 13 bản Hmông Trắng đều mang tên gọi của người Thái: Nhật Khổng, Mường Lống, Lòng Kèo, Tham Pảng, Huội Khun, Sam Xồm, Thảm Hoóc, Tham Hang, Xà Lây, Mô Nùng, Thảm Lực, Thả lạng, Pá Khẩu.

"Jiao" của người Hmông bao gồm những ngôi nhà đất thường được bố trí trên các triền núi cao hay ở các thung lũng hẹp. Những nơi có nương bàng, làm ruộng bậc thang như Đông Văn (tỉnh Hà Giang), Bắc Hà, Sa Pa (tỉnh Lào Cai) mật độ nhà cửa tương đối mật tập, dân cư đông đúc. Những nơi người Hmông làm nương thổ canh hốc đá, làm nương dốc thì nhà cửa thưa thớt, mỗi làng có vài chòm, mỗi chòm 3-5 nhà ở theo đất nương của mình.

Thành phần cư dân của "Jiao" chỉ có thuần người Hmông, tức trong "Jiao" không có cư trú đan xen hỗn hợp dân tộc như bản của người Thái, người Tày, người Nùng. "Jiao" của người Hmông hợp thành chủ yếu từ các dòng họ, trong đó thường có một họ gốc và cũng có "Jiao" chỉ có một dòng họ.

Về phương diện quản lý, trước năm 1954, người đứng đầu mỗi "Jiao" gọi là "Seo phải", thường là người trưởng họ có uy tín nhất trong "Jiao". "Seo phải" có nhiệm vụ duy trì trật tự chung của "Jiao" bằng cách mỗi năm triệu tập dân bản họp một, hai lần nhằm qui định một số công việc chung trong "Jiao" như: phân bố khu vực đất rừng cho từng dòng họ sản xuất để tránh tranh chấp, qui định việc chăn thả gia súc vào thời điểm thích hợp để làm nương, qui định các khu rừng cấm, rừng tre để làm nhà; giải quyết các mâu thuẫn, xích mích trong nội bộ "Jiao", xử phạt đối với những ai vi phạm qui định chung của "Jiao", các trường hợp trộm cắp, hủ hoá; theo dõi nắm bắt các hộ gia đình, nhân khẩu, các trưởng họ, thu hồi lại đất của người trong bản đã di chuyển đi nơi khác và có quyền sử dụng đất đai đó.

Mỗi "Jiao" Hmông đã từ lâu tồn tại những qui định, những luật tục rất cụ thể liên quan đến việc quản lý và giữ gìn tính cố kết cộng đồng. Các chức dịch trong

mỗi “*Jiao*” đều dựa vào những qui ước đó để điều hành công việc, các thành viên trong “*Jiao*” dựa vào đó để tổ chức cuộc sống của mình.

Tiêu biểu hơn cả là lễ “*nào sông*” hay “*nào cống*” tức là lễ ăn ước hay ăn hội, cho đến nay vẫn còn tìm thấy dấu vết của nó ở nhiều vùng Hmông. Lễ “*nào sông*” được tổ chức trong phạm vi từng “*Jiao*”, có nơi tiến hành vào đầu năm mới (theo tết Hmông), có nơi tổ chức muộn hơn. Theo quan niệm của người Hmông, ngày Thìn (ngày con rồng) là ngày tốt cho tổ chức buổi lễ này. Người chủ trì buổi lễ có nơi là chức dịch cao nhất của “*Jiao*”, nhưng cũng có nơi người chủ trì “*hội đầu*” do từng hộ luân phiên làm với nhiệm kỳ từ ngày “*ăn hội*” năm này đến ngày “*ăn hội*” năm sau.

Những người đến dự lễ “*nào cống*” gồm chủ nhà của các hộ trong “*Jiao*”. Đàn bà và trẻ em không tham gia hội lễ vì theo quan niệm của người Hmông những người đó không có quyền quyết định trong gia đình, trong xã hội và không hiểu biết bằng đàn ông. Tuy nhiên, trong trường hợp chủ gia đình đi vắng hay ốm đau, người vợ có thể tới dự hội thay chồng; con trai có thể thay bố.

Sau khi làm lễ cúng “*thu ti*” thổ thần xong, đại diện các gia đình ngồi vào mâm, chủ trì buổi lễ phát biểu qui ước chung của toàn “*Jiao*”. Trưởng “*Jiao*” nói: “Hôm nay là ngày “*nào sông*”, nhà nào cũng có người về đây đông đủ. Tất cả người làm việc quan to, nhỏ cũng có mặt ở đây. Mọi người lắng tai nghe tôi nói xong câu chuyện, khi ra về phải truyền lại cho tất cả người trong “*Jiao*” của mình đều rõ và phải làm theo cho đúng.

Từ nay trở đi vụ ngô sắp sửa được ăn, ruộng cũng vừa gieo xong, ở nương, ở rừng, cây cối, tre, vầu, hoa màu chỗ nào cũng có, toàn dân phải làm theo đúng lệ sau:

“Trâu bò phải chặn dất, không được thả rông cho đến ngày 15 tháng 10 (âm lịch) là mùa gặt hái, hẹn cho mọi người phải thu hoạch xong mới được thả trâu bò. Quá hạn ai còn chưa thu hoạch xong, trâu bò ăn lúa không phải đền.

Thời gian lúa, ngô chín, ruộng nương của người nào thì người ấy mới được vào; nếu người khác vào bị mất mát phải chịu phạt, đền, dù người đó có lấy hay không.

Không ai được lấy trộm một quả dưa, một quả đậu, một lá rau bí của người khác.

Không ai được tháo nước ruộng, nước nương của người khác.

Người nào không có vầu, không có măng ở nương mà có vầu, có măng đem bán, tức là người ấy đã ăn cắp của người khác, cũng bị phạt.

Rừng gỗ, rừng vầu, rừng nứa của họ nào họ ấy sử dụng. Nếu đi phát lẫn của nhau là phạm vào tội lấy trộm. Ai muốn lấy phải báo cáo cho ông trưởng họ, có được phép mới được chặt. Chỗ rừng cấm, không ai được đến phát nương.

Trong “*Jiao*” với nhau không được ăn trộm, ăn cắp, không được đánh nhau bừa bãi, đốt nhà.

Việc trai có vợ không theo gái, phụ nữ có chồng không theo trai, người nào không làm theo sẽ bị phạt...”

Người Hmông tin rằng những lời nhắc nhở trên đã được thần “chứng kiến”, ai không thực hiện sẽ làm phật ý thần.

Khi người chủ lễ nói xong, mọi người tiến hành bàn bạc, thảo luận và đi đến kết luận cụ thể. Công việc này thường diễn ra trong lúc đang ăn hoặc sau bữa ăn. Người ta bàn bạc bốn nội dung chủ yếu sau :

Một là, vấn đề bảo vệ trị an, phòng và chống trộm cướp: Mọi người có nhiệm vụ giữ gìn sự bình yên cho “Jiao”, không để trộm cướp xảy ra. Khi có cướp vào bản phải đồng tâm, hiệp lực để giữ lấy tài sản. Mỗi hộ cử một người đàn ông khỏe mạnh, gan dạ, tham gia trong lực lượng chiến đấu và tự sắm lấy vũ khí, ba bó thuốc khô, tù và hoặc mõ để báo động.

Hai là vấn đề chặn dất giữ súc vật bảo vệ mùa màng.

Đây là nội dung được bàn bạc kỹ trong ngày ăn hội và mỗi nơi có những điều khoản khác nhau. Thông thường gồm những điểm chủ yếu sau :

Vào thời vụ gieo trồng mọi nhà phải chặn dất trâu bò thật cẩn thận hoặc thả vào khu vực qui định chung của cả làng, không thả rông, nghiêm cấm các gia đình đến đó để phát đốt, làm nương. Những nhà nuôi lợn ở gần ruộng, nương phải nhốt. Khi mới gieo trồng và lúc lúa trở bông, đàn gia cầm của các gia đình phải nhốt ở trong chuồng cho đến lúc thu hoạch xong. Người nào vi phạm, để gia súc phá hoại mùa màng sẽ bị phạt một trong hai hình thức sau đây :

Bồi thường sự thiệt hại bằng cách trồng đên, trả giống, trả sản phẩm theo mức thu của mỗi vụ.

Như đã trình bày, trong phạm vi cư trú của từng “Jiao”, các gia đình được quyền tự do khai phá làm rẫy, săn bắn, hái lượm nhưng vẫn phải tuân thủ theo luật tục chung. Trong rừng nếu có ai đánh dấu thì người khác không được phát nữa. Nếu ai không biết mà phát thì mảnh nương đó chia đôi. Nếu đã biết dấu hiệu mà vẫn cố tình phát thì rẫy đó thuộc về người đánh dấu trước. Có ai đó muốn làm trên đất của người khác thì phải xin phép người chủ, thêm vào đó là ít quà biếu nhỏ (chai rượu) cho người đã có công khai phá. Người “Jiao” này muốn đến canh tác trên đất của “Jiao” kia nhất thiết phải hỏi ý kiến của trưởng “Jiao” và kèm theo một chai rượu, khi đã được đồng ý hàng năm sau vụ thu hoạch phải nộp lệ phí cho làng đó và cũng chỉ được phép canh tác trên mảnh nương đó trong vòng 3 năm. Nếu quá hạn người đến mượn đất phải chịu phạt, thu lại nương không cho làm và thu hồi lại sản phẩm.

Ba là vấn đề bảo vệ rừng, trồng rừng:

Những khu rừng công cộng do làng quản lý và những khu rừng thuộc cá nhân sở hữu, ngày ăn hội được đưa ra bàn rất cụ thể và có nhiều điều cấm.

Những khu rừng chung của một làng hoặc nhiều làng không ai được tự ý chặt phá, đốt, lấy măng. Ai cần sử dụng gỗ làm nhà cửa kể cả làm việc chung phải được sự đồng ý của hội. Xưa kia nếu gia đình nào tự tiện vào rừng chặt cây thì bị phạt một con lợn, ngày nay phải phạt từ 50.000đ - 100.000đ thế như một số vùng huyện Kỳ Sơn.

Mỗi gia đình có những khoảnh rừng riêng, ai đã trồng và chăm sóc khu nào, ngày ăn hội phải trình báo cho làng biết, nếu được công nhận mọi người phải tôn trọng quyền sở hữu của người đó. Nếu bị người khác xâm phạm, chủ rừng có thể nhờ “hội đầu” xử lý.

Những người không tôn trọng qui ước bảo vệ rừng đều bị xử phạt giống như gia súc phá hoại mùa màng.

Bốn là vấn đề giúp đỡ nhau trong đời sống.

Những người cùng hội thường có qui ước giúp đỡ nhau giải quyết các công việc như làm nhà, đám tang, v.v... Tuỳ hoàn cảnh của mỗi làng mà có những qui định khác nhau như gia đình nào muốn làm nhà thì các thành viên giúp trình tường, dựng và lợp hoặc giúp nguyên vật liệu; đám ma mỗi hộ giúp cho tang chủ một vác củi, mấy ống bắp, vài chai rượu, giúp phục vụ trong những ngày có tang lễ, v.v... Ngoài ra, các hộ không phân biệt giàu nghèo bình quân đóng góp cho chủ sự.

Người Hmông rất coi trọng nguồn nước. ở Kỳ Sơn (Nghệ An), đầu năm mới “*chư đê*” (trưởng làng) đứng ra điều hành việc tu sửa nguồn nước, vào dịp đó, mỗi nhà cử một người tới đào đắp bờ, làm hàng rào, đóng nắp gỗ mới. Hàng năm vào đêm 30 tết (tết Hmông), người Hmông ở Kỳ Sơn có tục “*hũa đễ xia*” (tranh lấy nước đầu nguồn). Khi tiếng gà gáy vang lên, mỗi nhà cử một người mang theo ống nước, thùng gỗ đi lấy nước, tới nơi người ra đốt pháo hoặc bắn súng rồi đồng thanh nói : năm cũ đã qua, năm mới sắp tới, mọi ốm đau, bệnh tật và những điều không tốt thì trôi theo năm cũ. Năm mới về làm ăn may mắn đạt nhiều kết quả tốt. Dứt lời, từng người lấy dụng cụ múc nước mang về nhà. Có nhà còn lấy nước mang ra cân; họ làm như sau, lấy ba giọt nước của năm cũ và ba giọt nước của năm mới đặt lên cân tiểu ly, nếu những giọt nước của năm mới nặng hơn năm cũ thì năm đó có nhiều mưa, làm ăn may mắn, phát đạt; nếu chỉ cân nặng bằng những giọt nước năm cũ, năm đó làm ăn gặp nhiều trắc trở. Theo quan niệm của người Hmông ở đây thì nước lấy vào đầu năm mới là nước tinh khiết, biểu hiện cho sự tốt lành. Đối với nguồn nước, người Hmông có những qui định khá chặt chẽ, ai vi phạm bị phạt theo luật tục tuỳ theo mức độ nặng hay nhẹ.

Cấm tắm, giặt giũ, mổ lợn, bò, gà, v.v... ở “*hố đê*” (chỗ nước đầu nguồn) và “*pá đê*” (chỗ khơi dòng lấy nước ăn), ai vi phạm lần đầu giao cho trưởng bản giáo dục, nhắc nhở; tái phạm, người đó nộp phạt một con gà, một quả trứng, một bát gạo mang đến nhà trưởng bản. Trưởng bản chịu trách nhiệm đưa số lễ vật đó ra nguồn nước hành lễ và nói : “Chỗ này là nơi cả bản tập trung lấy nước về ăn, ạnh (chị) tự tiện đến tắm, giặt làm ô uế, nên làm lễ này cúng thần nước”.

Người nào làm độc hại, gây bẩn đục nguồn nước, bị phạt theo hai mức:

Nếu thả thuốc độc để giết cá mà nguồn nước đó dùng chung cho vài ba bản thì kẻ vi phạm bị phạt “*xà lồ o*” (= 7 lạng 2 bạc trắng). Có mâu thuẫn với nhau mà dùng thuốc độc thả vào nguồn nước nhằm mưu hại người khác bị phạt “*cổ o*” (= 12 lạng bạc trắng).

Hình thức phạt bằng bạc trắng xưa kia qui định chung cho tất cả các bản của người Hmông ở Kỳ Sơn. Ngày nay mức phạt chuyển sang bằng tiền, và ở mỗi bản áp dụng một khác, chẳng hạn ở bản Thành Lạm, người nào mắc tội “*Chò sua lò đê*”

(thả chất độc xuống suối) bị phạt 200.000đ - 300.000đ; còn ở bản Trường Sơn chỉ phạt 50.000đ.

Trong từng bản còn qui định chỗ chăn thả trâu bò riêng gọi là “*Lút xá xia*”, xung quanh được rào dậu cẩn thận; trâu bò của nhà nào vượt rào phá hoại hoa màu thì theo luật tục của người Hmông ở Kỳ Sơn, chủ nương được quyền bắn chết con trâu bò đến phá hoại. Sau khi hạ sát con vật, người bắn mời trưởng bản đến để xác định giá trị hoa màu đã bị hư hại. Nếu chỗ hoa màu đó không bằng giá trị của con trâu, bò thì hai bên ngã thịt chia đều, chủ nương một nửa, chủ con vật một nửa. Nếu chỗ hoa màu đó giá trị tính ra lớn hơn con vật bị bắn chết, người chủ có trâu bò phải đền toàn bộ chỗ hoa màu bị phá hoại, và được phép đem trâu, bò đã bị bắn chết về nhà mình.

Trong từng “*Jiao*” cũng duy trì qui ước về xử phạt tội ăn cắp. Nếu ăn cắp lợn bị bắt phải phạt 50 nén bạc, nhưng nếu con vật chưa bị làm thịt thì mang trả lại không phải phạt nữa.

Đối với tội hủ hoá: trai gái ăn nằm với nhau, nếu người con gái có thai mà người con trai không lấy thì bị phạt 3 nén bạc trắng, một con lợn cúng ma đái làng. Nếu người con gái khi sinh nở bị chết, người con trai đó phải đến nhà mẹ cô ta làm nương trong một năm và bị họ hàng nhà gái coi như con nợ làm đủ mọi việc. Ngoại tình với vợ người ngoài việc bị người chồng đánh, anh ta còn bị phạt 4 nén bạc trắng, một con lợn đái làng.

Trường hợp vợ chồng bỏ nhau : nếu chồng bỏ vợ, không phải trả tiền cưới đầu, của cải chia đôi, con cái tùy ý theo ai cũng được. Nếu vợ bỏ chồng phải trả tiền cưới đầu và người con gái có quyền quay lại nhà bố mẹ đẻ và ai muốn lấy cô ta thì trả số tiền cưới cho người chồng cũ. Của cải hồi môn người con gái được mang về nhà. Của cải do hai người cùng làm ra thì chia đôi; con trai ở với bố, còn con gái theo ai cũng được.

Các qui ước của người Hmông trước đây được coi là thước đo chuẩn mực đạo đức của mỗi thành viên, nó góp phần duy trì trật tự xã hội cổ truyền. Các qui ước đó góp phần tăng cường bảo vệ đất, rừng, nguồn nước, mùa màng và củng cố tính cố kết cộng đồng trong từng “*Jiao*”.

## KẾT LUẬN

Mặc dù vẫn còn một bộ phận người Hmông duy trì tập quán du canh du cư, phần lớn người Hmông đã tạo dựng được cách ứng xử hợp lý với môi trường bao quanh, điều này được phản ánh qua hệ thống canh tác thích ứng với các điều kiện của vùng cao, qua hệ thống tri thức địa phương về quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên (chọn đất canh tác, bảo vệ rừng, nguồn nước, kỹ thuật trồng xen canh gối vụ, cách chống xói mòn và bảo vệ đất,...). Cho đến nay, người Hmông vẫn giữ được nhiều yếu tố văn hoá tộc người và vẫn duy trì các loại hình tổ chức xã hội cổ truyền và gắn với nó là các tục lệ, qui ước để quản lý cộng đồng và nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thiết nghĩ, việc chú ý nghiên cứu kỹ lưỡng các giá trị văn hoá tộc người sẽ rất có ích không chỉ cho các nhà nghiên cứu mà đối với cả các nhà làm kế hoạch và các dự án phát triển ở vùng Hmông. Đặc biệt điều này càng trở nên có ý nghĩa trong quá trình gia các quyết định. (xem tiếp trang 42)